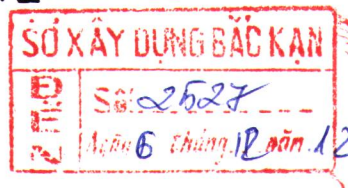


Số: 2031/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 05 tháng 12 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung
xây dựng thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1890/QĐ-TTg ngày 14/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Kạn thời kỳ đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 25/01/2006 của UBND tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020; Quyết định số 2435/QĐ-UB ngày 06/11/2003 của UBND tỉnh phê duyệt thiết kế điều chỉnh quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 22/7/2010 của UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 657/TTr-SXD ngày 31/10/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn, giai đoạn 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn.

2. Địa điểm, phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

Địa điểm: Thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.

Ranh giới, phạm vi nghiên cứu: Phía Bắc giáp xã Trung Hòa, huyện Ngân Sơn; Phía Nam giáp xã Lãng Ngâm, huyện Ngân Sơn; Phía Đông giáp xã Thuận Mang, Thượng Quan, Vân Tùng, huyện Ngân Sơn; Phía Tây giáp xã Chu Hương, Mỹ Phương, huyện Ba Bể.

Phạm vi nghiên cứu quy hoạch: 6.250 ha (diện tích tự nhiên của thị trấn).

Phạm vi lập quy hoạch xây dựng: 115,5 ha.

3. Giai đoạn quy hoạch, tỷ lệ bản đồ:

Giai đoạn quy hoạch: 2010 - 2020, định hướng đến năm 2030.

Tỷ lệ bản đồ quy hoạch chung xây dựng: 1/2000.

4. Tính chất, chức năng khu quy hoạch, động lực phát triển đô thị:

4.1. Tính chất: Là thị trấn khu vực, trực thuộc huyện, là trung tâm tiểu vùng phía Nam huyện Ngân Sơn, đầu mối giao thông quan trọng giữa QL3 và QL279.

4.2. Chức năng: Là đô thị loại V, đô thị hạt nhân vùng có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội vùng phía Nam huyện Ngân Sơn.

4.3. Động lực phát triển đô thị: Thương mại, dịch vụ, công nghiệp, chế biến nông lâm sản và du lịch sinh thái.

5. Quy mô dân số, đất đai:

5.1. Quy mô dân số:

Dân số thị trấn Nà Phặc năm 2009 = 5.780 người.

Dự báo dân số: Ngắn hạn 2015 = 7.000 người; Dài hạn 2020 = 9.000 người; Định hướng 2030 = 15.000 người.

5.2. Quy mô sử dụng đất xây dựng đô thị (nội thị):

Hiện trạng: 24,36 ha.

Giai đoạn năm 2015: 51,84 ha.

Giai đoạn năm 2020: 115,50 ha.

6. Các chỉ tiêu kinh tế – kỹ thuật chủ yếu:

Căn cứ QCVN01: 2008/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng” và điều kiện cụ thể của thị trấn Nà Phặc, các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Hạng mục	Giai đoạn 2011 - 2020	Giai đoạn 2020 -2030
<i>I- Đất xây dựng đô thị</i>	120 ÷ 150 m ² / người.	100 ÷ 120 m ² / người.
* Đất dân dụng	70 ÷ 80 m ² / người.	60 ÷ 70 m ² / người.
- Đất ở	40 ÷ 50 m ² / người.	30 ÷ 35 m ² / người.
- Đất công trình công cộng	12 ÷ 14 m ² / người.	14 ÷ 15 m ² / người.
- Đất cây xanh, TDTT	4 ÷ 5 m ² / người.	5 ÷ 6 m ² / người.
- Đất giao thông	9 ÷ 11 m ² / người.	11 ÷ 14 m ² / người.
<i>II- Các chỉ tiêu HT – KT</i>		
- Cấp điện	330W/ người.	500 W/ người.
- Cấp nước	80 lít /người / ngày đêm	100 lít /người / ngày đêm
- Thoát nước	80 lít /người / ngày đêm	100 lít /người / ngày đêm
- Rác thải	0,8 kg/người / ngày đêm	1 kg/người / ngày đêm
- Tỷ lệ giao thông / đất ĐT	20 %	20 - 23%
- Mật độ mạng đường chính đô thị	5 ÷ 6 Km/Km ²	6,5 ÷ 7,5 Km/Km ²

7. Hướng phát triển đô thị:

7.1. Hướng phát triển đô thị:

Trục trung tâm thị trấn cũ dọc đường QL3: Quy hoạch chức năng là đất ở và đất dịch vụ công cộng.

Phía Bắc: Khai thác quỹ đất đòi thuận lợi cho xây dựng, tạo quỹ đất phát triển đô thị, quy hoạch một số khu chức năng chính của thị trấn (đất các cơ quan hành chính, đất dịch vụ công cộng, đất ở và đất cây xanh công viên TĐTT).

Phía Nam: Khai thác quỹ đất dọc theo QL3 đoạn qua thị trấn; tạo quỹ đất phát triển đô thị tại Tiểu khu I, đoạn đầu thị trấn hướng từ Thái Nguyên đi Cao Bằng (quy hoạch đất ở và đất dịch vụ công cộng).

7.2. Định hướng tổ chức không gian đô thị:

Tổ chức không gian đô thị theo nguyên tắc phân khu vực quy hoạch:

+ Phân khu trung tâm: Gồm trục đường QL3 đoạn qua thị trấn, đoạn từ ngã ba đường rẽ đi Ba Bể đến ngã ba đường rẽ vào trường cấp 3 (bao gồm toàn bộ trung tâm thị trấn hiện hữu); Bố trí các khu chức năng: Đất ở (ổn định, cải tạo, chỉnh trang), trường học và đất dịch vụ công cộng.

+ Phân khu phía Bắc: Gồm toàn bộ khu đồi và ruộng phía Bắc, tính từ giới hạn đường điện đi qua Trung tâm thị trấn đã nắn chỉnh và giới hạn bởi đường đôi đi qua thị trấn; quy hoạch các khu chức năng: Đất ở, cơ quan hành chính, đất dịch vụ công cộng và đất cây xanh, công viên TĐTT.

+ Phân khu phía Đông: Khu vực này bố trí các khu chức năng: cải tạo, chỉnh trang các khu đất ở, mở rộng diện tích đất dịch vụ công cộng và giáo dục hiện có.

+ Phân khu phía Nam thị trấn: Gồm toàn bộ khu phía Nam của thị trấn, tính từ suối Nà Phặc phía Nam thị trấn về phía Thái Nguyên; quy hoạch các khu chức năng: Đất ở và đất dịch vụ công cộng.

7.3. Tổ chức không gian quy hoạch đô thị:

Khu công nghiệp và TTCN: Khu công nghiệp - TTCN được chọn xây dựng nằm ngoài ranh giới đô thị, tại vị trí phía Tây Bắc trên đường đi Ba Bể, cách trung tâm đô thị khoảng 3km.

Các khu ở (khu dân cư cải tạo): Chủ yếu là dân cư hai bên đường QL3 cải tạo nâng cấp là chính và đưa hạ tầng kỹ thuật đô thị để phục vụ khu dân cư cho đồng bộ. Các khu dân cư xây dựng mới sẽ nằm rải rác ở 5 khu A, B, C, D và E.

Khu trung tâm hành chính, chính trị: Khu trung tâm hành chính của thị trấn được xây dựng tại khu vực đối diện Bệnh viện hiện tại bao gồm trụ sở làm việc của UBND thị trấn, Công an huyện (địa bàn thị trấn), Đài truyền thanh, truyền hình...

Khu trung tâm thương mại: Được xây dựng tại khu vực chợ hiện tại bao gồm Chợ trung tâm, Trung tâm thương mại, khách sạn, Siêu thị và Khu triển lãm hội chợ.

Khu trung tâm Văn hóa: Trung tâm được xây dựng tại khu đồi UBND thị trấn hiện tại bao gồm nhà Văn hóa thị trấn, thư viện,...

Khu cây xanh công viên Văn hóa – TĐTT: Các công trình công viên văn hóa vui chơi giải trí, công viên cây xanh TĐTT, sân vận động thị trấn và nhà thi đấu được xây dựng tại mặt đường đôi đoạn qua trung tâm thị trấn, nằm ở phía Bắc khu thị trấn hiện tại.

Khu trung tâm giáo dục: Cải tạo phát triển khu trường PTTH Nà Phặc và trường THCS hiện nay thành khu trung tâm giáo dục của thị trấn, ở phía Đông thị trấn.

Khu trung tâm Y tế: Xây dựng tại khu Bệnh viện Đa khoa hiện tại phát triển nâng cấp bệnh viện, xây dựng các Trung tâm y tế dự phòng.

7.4. Tạo các không gian mở, điểm nhấn và các điểm cửa ngõ đô thị:

Cửa ngõ phía Nam: Ngã ba giao nhau giữa đường QL3 và QL279.

Cửa ngõ phía Đông Bắc: Ngã ba từ hướng Ba Bè vào thị trấn và đường tránh đi Cao Bằng.

Cửa ngõ phía Tây Bắc: Ngã ba hướng từ Cao Bằng vào thị trấn và hướng đi Ba Bè giáp ranh giới phía Bắc thị trấn.

Hai trục đường đôi rộng 28m là các trục không gian chính của đô thị. Từ đó phát triển đi các khu chức năng trung tâm thị trấn.

Không gian cây xanh: Tổ chức thành quần thể sân vận động và khu vui chơi giải trí, công viên cây xanh TDDT đồng thời tạo kiến trúc cảnh quan đô thị.

8. Cơ cấu sử dụng đất theo các chức năng:

8.1. Đất ở:

Các khu ở hiện trạng cải tạo, chỉnh trang: Khai thác quỹ đất còn trống trong các khu ở, tăng mật độ, chiều cao bình quân và tăng hệ số sử dụng đất, (phạm vi thuộc khu đường QL3 hiện nay thuộc tiểu khu 2, phân khu D và tiểu khu 1, phân khu E).

Các khu ở mới : Phát triển các khu dân cư mới tại phân khu A, khu B, khu C và một phần khu D và một phần phân khu E.

8.2. Đất công trình công cộng :

Các công trình giáo dục THPT, THCS, TH ... tập trung ở phân khu D; công trình mầm non bố trí ở vị trí cũ, khu trung tâm thị trấn.

Các công trình văn hoá: Bố trí tại phân khu trung tâm, liền kề tại tiểu khu 2 thị trấn.

Các công trình dịch vụ, thương mại: Bám theo trục QL3 đoạn qua thị trấn và bố trí tại ngã tư trục đường đôi và đường đô thị khu đô thị mới. Phát triển và mở rộng một số công trình thương mại, dịch vụ hiện hữu tại khu trung tâm như Chợ thị trấn.

Trung tâm hành chính: Bố trí tại hai khu vực: dọc trục đường đôi 28m qua trung tâm và giáp đường tránh khu trung tâm về phía Đông Bắc.

8.3. Đất cây xanh TDDT: Bố trí dọc trục đường đôi qua thị trấn, đối diện với khu trung tâm hành chính là trục không gian cấu thành khu cây xanh tập trung và điểm nhấn đô thị.

8.4. Đất hỗn hợp: Công trình công cộng, dịch vụ thương mại, ở, ở kết hợp kinh doanh... bố trí tại các điểm giao cắt các trục chính đô thị, tại khu E, D và phân khu trung tâm.

8.5. Các loại đất không xây dựng được (núi cao, đất rừng...): Nằm phân bố ở các phân khu, tạo cảnh quan không gian và cải thiện vi khí hậu trong đô thị.

Bảng quy hoạch sử dụng đất thị trấn Nà Phặc:

T T	Hạng mục	Hiện trạng 2009			Quy hoạch			2020, định hướng 2030		
		Ha	%	m ² /ng	Ha	%	m ² /ng	Ha	%	m ² /n g
	Tổng diện tích đất khu vực lập QH	115,5	100,0		115,50	100,0		115,50	100,0	
	- Đất xây dựng đô thị	24,37	21,10		51,84	45,51		89,26	77,28	
	- Đất khác	91,13	78,90		63,66	54,49		26,24	22,72	
A	Tổng diện tích đất xây dựng đô thị	24,36	100,0	70,2	51,84	100,0	108,80	89,26	100,0	123,12
I	Đất dân dụng	15,24	62,54	43,9	35,52	68,52	73,69	63,24	70,85	83,06
-	Đất các đơn vị ở	11,05	45,34	31,8	23,52	45,37	48,8	37,40	41,90	55,0
-	Đất CTCC đô thị	1,03	4,23	3,0	2,40	4,63	5,0	5,44	6,09	8,0
-	Đất cây xanh, TDTT	0,06	0,25	0,2	3,84	7,41	8,0	10,20	11,43	15,0
-	Đất giao thông đô thị	3,10	12,72	8,9	5,76	11,11	12,0	10,20	11,43	15,0
II	Đất ngoài dân dụng	9,13	37,46	26,3	16,32	31,48	35,10	26,02	29,15	40,06
-	Cơ quan, trường chuyên nghiệp	1,43	5,87	4,1	6,60	12,73	13,7	11,00	12,32	16,2
-	Đất CN, TTCN, kho tàng	0,00	0,0	0,0	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
-	Đất giao thông đối ngoại	2,10	8,62	6,1	2,52	4,86	5,2	3,02	3,38	4,5
-	Đất cây xanh mặt nước- sinh thái	5,60	22,98	16,1	7,20	13,89	14,9	12,00	13,44	17,7
B	Đất khác	91,13			63,66			26,24		
1	Đất nông nghiệp	11,50			11,50			11,50		
2	Đất khu dân cư nông thôn	2,00			2,50			3,00		
3	Đất lâm nghiệp(đồi núi)	74,49			46,52			8,60		
4	Diện tích mặt nước đất sông suối	3,14			3,14			3,14		

9. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị:

9.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

Xác định cao độ tối thiểu xây dựng khu vực nghiên cứu là 230m.

Đối với các khu vực xây dựng hiện trạng, cơ bản giữ nguyên cao độ.

Đối với khu dân cư bám dọc theo QL3, cao độ san nền trung bình từ 238m đến 255m.

Đối với khu dân cư bám dọc theo tỉnh lộ 212, cao độ san nền trung bình từ 230m đến 232.40m.

Cao độ các nút giao thông được xác định phù hợp với tự nhiên và mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo điều kiện nước tự chảy.

Hạn chế san gạt đồi núi; Chủ yếu cân bằng đào đắp tôn trọng địa hình tự nhiên, đảm bảo cảnh quan tự nhiên và môi trường.

Giải pháp thoát nước mưa: Mạng lưới thoát nước mưa được quy hoạch riêng rẽ với mạng lưới thoát nước thải. Hướng thoát nước mưa chính là đổ vào suối Nà Phặc và suối Bàn Mạch. Hệ thống thoát nước mưa chủ yếu theo các tuyến cống và mương chính được bố trí dọc hai bên đường giao thông (trên vỉa hè); bố trí các giếng thu, hố ga; độ dốc thiết kế > 0,005.

9.2. Quy hoạch giao thông:

Giao thông đối ngoại (đường liên khu vực): Đường QL3 đi Cao Bằng đoạn qua thị trấn có lộ giới 17m và đường QL3 đoạn đầu thị trấn có lộ giới 16,5m; Đường tỉnh lộ 212 (trùng với đường QL279) nằm phía Tây Bắc thị trấn, điểm đầu từ QL3, hướng đi Ba Bể có lộ giới 16,5m.

Giao thông đối nội (đường khu vực): Đường khu vực: Quy hoạch 01 tuyến khu vực, hướng từ Tây Bắc đến Đông Bắc có lộ giới 16,5m; Mạng lưới đường khu vực nội thị gồm: Quy hoạch 02 trục đường đôi qua trung tâm đô thị, lộ giới 28m; Đường rẽ từ QL3 vào Bệnh viện có lộ giới 20,5m; Đoạn nối tiếp đường đôi qua đô thị có lộ giới 20,5m; Quy hoạch 02 tuyến đường từ QL3 đến Trung tâm thể dục thể thao, hướng từ Nam đến Bắc và hướng từ Đông đến Tây, có lộ giới 13,5m.

Bến xe (giao thông tĩnh): Bố trí 01 bến xe nằm phía Tây đường tỉnh lộ 212v (QL279) đi Ba Bể, tại ngã ba đường đôi rẽ vào Trung tâm thể dục thể thao có quy mô diện tích khoảng 8397m². Ngoài ra tổ chức hệ thống bãi đỗ xe tại các trung tâm thương mại, trung tâm công cộng lớn đảm bảo đáp ứng nhu cầu.

9.3. Quy hoạch cấp nước:

Nhu cầu dùng nước: Tổng công suất trạm cấp nước giai đoạn 2015 = 800m³/ngđ; giai đoạn 2020 = 1000 m³/ngđ.

Nguồn nước: Chọn nguồn nước từ hang Khuổi Trù là nguồn cấp cho thị trấn và nguồn nước mặt suối Nà Phặc là nguồn bổ sung vào mùa khô.

Giải pháp cấp nước: Thị trấn Nà Phặc đã có hệ thống cấp nước với công suất 500m³/ngđ, giai đoạn I nâng công suất lên 800m³/ngđ; giai đoạn II nâng công suất lên 1.000m³/ngđ với nguồn nước mặt suối Khuổi Trù và suối Nà Phặc cấp cho khu vực.

Thiết kế mạng lưới cấp nước: Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế theo sơ đồ mạng vòng kết hợp mạng nhánh có đường kính ≥ Φ100mm. Hệ thống đường ống

phân phối được bố trí theo quy hoạch đi trên các hệ đường giao thông đến các khu dân cư. Hệ thống cấp nước cứu hỏa được thiết kế chung với mạng lưới cấp nước sinh hoạt theo quy phạm.

9.4. Cấp điện:

Tổng nhu cầu dùng điện của thị trấn Nà Phặc các giai đoạn:

Đợt đầu 2015 = 2.652KW; Tương lai 2020 = 6.694KW.

Phương án cấp điện: Nguồn điện, dự kiến xây dựng trạm 110/35/22KV công suất 1x16MVA (theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2010 đến 2015 có xét đến năm 2020). Trạm 110KV sẽ cấp điện cho toàn bộ huyện Ngân Sơn và huyện Ba Bể. Vị trí trạm đặt tại Tiểu khu I, nằm bên phải đường QL3 hướng Bắc Kạn - Cao Bằng.

Lưới điện:

+ Lưới 35KV: Từ trạm 110KV Nà Phặc xây dựng tuyến 35KV đấu nối vào đường dây 35KV cấp điện cho huyện Ba Bể. Di dời một số đoạn 35KV hiện có đi qua các khu dân cư mới xây dựng không đảm bảo an toàn.

+ Lưới 22KV: Khi xây dựng trạm 110/35/22KV toàn thị trấn và khu vực xung quanh sẽ được cấp điện từ lưới 22KV. Từ trạm 110/35/22KV xây dựng 3 tuyến 22KV cấp điện cho thị trấn và khu vực ngoại thị. Xây dựng các tuyến cáp ngầm tại các vị trí đường giao nhau và các trục chính của đô thị đảm bảo mỹ quan.

+ Trạm lưới 35/0,4KV: Đối với các trạm lưới 35/0,4 KV hiện có cải tạo nâng công suất đáp ứng cung cấp điện. Khi có trạm 110KV Nà Phặc các trạm 35/0,4KV sẽ cải tạo thành 22/0,4KV. Các trạm biến áp được bố trí tại trung tâm phụ tải của khu vực. Máy biến áp dùng loại 3 pha. Bán kính phục vụ của các trạm đảm bảo tối ưu ≤ 300 đến 400m.

+ Lưới hạ áp 0,4KV: Giữ nguyên các tuyến 0,4KV hiện có để cung cấp điện cho các phụ tải. Mạng lưới 0,4KV xây dựng mới bố trí đi nổi. Đường dây 0,4KV dùng cột bê tông li tâm cao $\geq 8m$, khoảng cách trung bình 35m - 40m.

+ Lưới chiếu sáng: Toàn bộ các đường có mặt cắt $\geq 3,5$ m đều được chiếu sáng. Đường có mặt cắt $\geq 16,5$ m bố trí 2 tuyến chiếu sáng 2 bên đường. Các trục đường trung tâm được xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị và dùng cáp ngầm. Tuyến chiếu sáng khu dân cư bố trí đi nổi kết hợp với tuyến điện 0,4KV cấp điện cho sinh hoạt.

9.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

9.5.1. Thoát nước thải:

Tổng lưu lượng nước thải: Giai đoạn I = 589,96m³/ngđ; giai đoạn II = 832,32m³/ngđ.

Giải pháp quy hoạch:

+ Giai đoạn đầu đến năm 2015: Quy hoạch xây dựng mạng lưới thu gom nước thải kết hợp chung mạng lưới thoát nước mưa.

+ Giai đoạn dài hạn: Xây dựng mạng lưới thu gom nước thải riêng rẽ với hệ thống thoát nước mưa.

+ Xây dựng 02 trạm xử lý nước thải cho thị trấn Nà Phặc (01 trạm tại phía Tây đường tỉnh lộ 212 hướng đi Ba Bể và 01 trạm tại phía Đông giáp suối Nà Phặc), mỗi trạm xử lý nước thải có công suất 150m³/ngđ.

Nước thải bệnh viện và nhà máy được xử lý riêng đạt tiêu chuẩn trước khi đổ ra suối.

9.5.2. Vệ sinh môi trường:

Rác thải: Nguồn phát sinh chất thải rắn tại thị trấn Nà Phặc chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt.

Lượng chất thải rắn trung bình 0,8kg/người/ngày, tổng lượng chất thải phát sinh: Năm 2015 khoảng 5,10 tấn/ngày; năm 2020 khoảng 5,80 tấn/ngày; năm 2030 khoảng 7,60 tấn/ngày.

Rác thải sinh hoạt của thị trấn giai đoạn đầu được thu gom và vận chuyển về bãi xử lý rác tại ven thị trấn hướng đi Bắc Kạn, giáp xã Lãng Ngâm và được xử lý bằng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh. Về lâu dài theo quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt, rác thải của thị trấn được chuyển về khu xử lý Đông Piêu thuộc xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn để xử lý.

Nghĩa trang tập trung: Quy hoạch 01 nghĩa trang tập trung khoảng 01 ha ven thị trấn hướng đi Bắc Kạn giáp xã Lãng Ngâm..

10. Các quy định về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

Tôn trọng môi trường cảnh quan, phát huy tối đa ưu thế về không gian cây xanh, đồi núi, mặt nước, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan hài hòa, thân thiện với môi trường và giữ gìn bản sắc vùng miền.

Quá trình lập, quy hoạch chi tiết xây dựng, lập các dự án đầu tư xây dựng cần tuân thủ các quy định, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của quy hoạch chung xây dựng đã được phê duyệt về: Chức năng trong khu quy hoạch, chỉ giới xây dựng, mật độ xây dựng, chiều cao không chế, vị trí khoảng cách các công trình ngầm.

Các công trình được đầu tư xây dựng trong thị trấn, thực hiện đúng quy trình: Lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, cấp giấy phép xây dựng, giám sát kiểm tra, vận hành và bảo trì công trình.

Các công trình xây dựng trong khu vực quy hoạch cần thiết kế theo hướng hiện đại, kiến trúc đẹp kết hợp yếu tố bản địa, tạo nét đặc sắc của địa phương và đảm bảo bền vững.

Mật độ xây dựng: Khu cây xanh không quá 5%; công trình công cộng không quá 40%, các yêu cầu khác theo quy định.

11. Các vấn đề về quốc phòng, an ninh:

Quy hoạch các khu chức năng đặc biệt về an ninh quốc phòng cần tuân thủ các quy định của quốc phòng. Lưu ý quỹ đất để xây dựng các khu vực phòng thủ, khu sơ tán, trận địa quân sự, các vị trí địa hình quan trọng đã được Bộ Quốc phòng xác định để quy hoạch riêng cho đất quốc phòng, an ninh.

Quy hoạch bãi tập của dân quân tự vệ và đảm bảo bí mật cho các khu quân sự...

12. Các biện pháp bảo vệ môi trường:

Các Đồ án quy hoạch xây dựng đều phải có đánh giá môi trường chiến lược, nhằm kiểm soát môi trường và các tác động đến môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch.

Các Dự án đầu tư xây dựng công trình phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường, có biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình và trong quá trình vận hành để bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Thường xuyên duy tu, bảo trì, quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật hạn chế tối đa các tác động xấu đến môi trường, đặc biệt là hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang vv...

Có biện pháp an toàn về sử dụng hóa chất, chất độc hại, chất thải nguy hại, chất thải bệnh viện vv...

Tăng cường công tác quản lý, giám sát, quan trắc môi trường và nâng cao nhận thức cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường.

Khai thác tài nguyên một cách hợp lý trong đó có khai thác đất, đá, cát sỏi, vật liệu xây dựng cần có phương án cải tạo phục hồi môi trường theo đúng quy định.

13. Chương trình ưu tiên đầu tư và các nguồn lực thực hiện:

13.1. Các chương trình ưu tiên đầu tư:

Chuẩn bị kỹ thuật: San nền khu vực xây dựng các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị (các công trình trọng điểm).

Giao thông: Tiếp tục xây dựng nâng cấp, mở rộng hoàn thiện tuyến đường QL3 đi qua thị trấn; Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 212 nằm phía Tây Bắc thị trấn, điểm đầu từ QL3, hướng đi Ba Bê; Xây dựng mới 01 tuyến đường khu vực, hướng từ Tây Bắc đến Đông Bắc; Cải tạo, nâng cấp đường rẽ từ QL3 vào Bệnh viện; Xây dựng mới một số tuyến đường quy hoạch.

Cấp điện: Di chuyển tháo dỡ một số đoạn đường dây theo đúng quy hoạch, kê cả ngầm hóa một số khu vực; Điều chỉnh, xây dựng lắp đặt lại một số trạm biến áp phù hợp với quy mô công suất của quy hoạch; Bổ sung hệ thống chiếu sáng cho các trục đường đô thị mới được đầu tư xây dựng hoàn thiện.

Cấp nước: Nâng công suất hệ thống cấp nước thị trấn Nà Phặc từ 500m³/ngđ, lên 800m³/ngđ với nguồn nước mặt suối Khuổi Trù cấp cho khu vực.

Thoát nước thải: Xây dựng 02 trạm xử lý nước thải cho thị trấn Nà Phặc mỗi trạm xử lý nước thải có công suất 150m³/ngđ; Xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom nước thải đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt của thị trấn.

Rác thải: Đầu tư hệ thống thu gom rác thải, phân loại rác; Hoàn chỉnh bãi chôn lấp rác thải hoặc đốt hợp vệ sinh.

Nghĩa trang: Quy hoạch 01 nghĩa trang tập trung cho thị trấn khoảng 01 ha ven thị trấn hướng đi Bắc Kạn.

Ưu tiên phát triển một số dự án khu dân cư, công trình công cộng, dịch vụ thương mại, du lịch... phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

13.2. Nguồn lực thực hiện: Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn vay, vốn tài trợ, vốn vay huy động, vốn doanh nghiệp, vốn tư nhân, khuyến khích theo hướng xã hội hóa; vốn nhà nước và nhân dân cùng làm, vốn nước ngoài, vốn từ khai thác hạ tầng; vốn do nhân dân tự đầu tư xây dựng nhà ở và đóng góp...

14. Tổng kinh phí lập đồ án quy hoạch: 920.334.000, đồng. (Chín trăm hai mươi triệu, ba trăm ba mươi tư nghìn đồng).

Trong đó: + Chi phí khảo sát: 215.000.000, đồng.
+ Lập quy hoạch chung xây dựng: 705.334.000, đồng.

(Chi tiết các khoản chi phí: Theo nội dung Tờ trình số 657/TTr-SXD ngày 31/10/2012 của Sở Xây dựng).

Tổng kinh phí lập đề án quy hoạch phê duyệt tại Quyết định này thay thế phần tổng kinh phí lập đề án quy hoạch đã ghi tại Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 22/7/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn.

16. Lưu hồ sơ: Hồ sơ đề án quy hoạch chung xây dựng sau khi được Sở Xây dựng xác nhận thẩm định, UBND huyện Ngân Sơn có trách nhiệm bàn giao cho các đơn vị để lưu trữ và thực hiện (theo quy định tại Quyết định số 1513/QĐ-UBND ngày 22/7/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn). Đồng thời, bàn giao cho Sở Văn hoá-Thể thao và Du lịch 01 bộ.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ.

1. Ủy ban nhân dân huyện Ngân Sơn: Có trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt. Lập chương trình dài hạn và các kế hoạch ngắn hạn hàng năm thực hiện đầu tư phát triển, nâng cấp đô thị. Tổ chức lập quy hoạch phân khu và các đề án quy hoạch chi tiết phù hợp với quy hoạch chung làm cơ sở quản lý đất đai, quản lý kiến trúc đô thị và kêu gọi vốn đầu tư phát triển đô thị. Xây dựng các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển đô thị theo hướng xã hội hoá trình cấp có thẩm quyền ban hành. Trước mắt tổ chức công bố quy hoạch và đưa mốc giới ra ngoài thực địa trong năm 2013.

2. Sở Xây dựng: Thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng. Kiểm tra, đôn đốc hướng dẫn việc quản lý và thực hiện quy hoạch.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Thực hiện quản lý nhà nước về đất đai và môi trường trong đô thị. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc quản lý và sử dụng đất đai trong đô thị theo quy hoạch được phê duyệt.

4. Các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan: Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp thực hiện tốt quy hoạch này.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Văn hoá-Thể thao và Du lịch, Chủ tịch UBND huyện Ngân Sơn, Chủ tịch UBND thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- PVP (đ/c Đứ);
- Lưu: VT, CN-XDCB (19b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Du

